

Biểu 1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH
 (Kèm theo Quyết định số 44 QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh (lần 1)				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh lần 2	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số	Trong đó						
									Thu hồi các khoản ứng trước						Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	5	6	7	8	11	12	13	14				15	16	
A	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư			3.295.411	2.370.971	331.714	331.714	-	-	264.428,183	-	67.286			
I	Chuẩn bị đầu tư					13.710	13.710	-	-	13.710				Chi tiết tại phụ lục 2	
II	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính			1.316.321	1.316.321	40.619	40.619	-	-			40.619			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			1.316.321	1.316.321	40.619	40.619	-	-			40.619			
I	Dự án lồng ghép xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	40.619	40.619					40.619	Sở TNMT		
III	Lĩnh vực quốc phòng			51.650	51.650	5.447	5.447	-	-			5.447			
I	Xây dựng chốt chặn đầu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	2022-2025	80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	51.650	51.650	5.447	5.447					5.447	BCH Quân sự tỉnh	Vốn đã cấp cho BCH quân sự tỉnh chi trả đến bù	
IV	Các hoạt động kinh tế			1.909.440	985.000	97.000	97.000	-	-	80.000					
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			-	-	80.000	80.000	-	-	80.000					
(1)	Dự án KCM năm 2022			-	-	80.000	80.000	-	-	80.000					
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					80.000	80.000			80.000					
IV.2	Giao thông			1.909.440	985.000	17.000	17.000	-	-			17.000			
(1)	Các dự án hoàn thành trước năm 2022			44.440	20.000	17.000	17.000	-	-			17.000			
I	Sửa chữa nâng cấp đường liên huyện Pleiku-Đak Đoa-Chư Sê (đoạn ngã ba La Sơn đến trung tâm xã Ia Tiêm km0+00- km7+100)	2020-2021	627/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	44.440	20.000	17.000	17.000					17.000	BQL các DA ĐTXD tỉnh	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.			12.000	12.000	2.150	2.150	-	-	2.150					
(1)	Các dự án KCM năm 2022			12.000	12.000	2.150	2.150	-	-	2.150					

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh (lần 1)			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh lần 2	Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: NSDP							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số						Trong đó	
														Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB
I	Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	2022-2023	406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021, 276/QĐ-BQLĐA ngày 25/6/2021, 255/QĐ-SKHĐT ngày 02/12/2021	12.000	12.000	2.150	2.150	-	-	2.150	BQL các dự án ĐTXĐ tỉnh				
VI	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			6.000	6.000	2.080	2.080	-	-	2.080					
(I)	Các dự án hoàn thành trước năm 2022			6.000	6.000	2.080	2.080	-	-	2.080					
I	Trường THCS Nguyễn Du, huyện Đắk Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017, 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	2.080	2.080			2.080	UBND huyện Đắk Pơ	Thanh toán khối lượng hoàn thành			
VII	Bổ trí kinh phí xử lý lỵt thu năm 2019, 2020					170.708,183	170.708,183	-	-	168.568,183	2.140		Chi tiết tại phụ lục 3		

29